

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI



DƯƠNG ĐÌNH TÙNG

VẤN ĐỀ Ý THỨC TRONG DUY THỨC HỌC

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 62 22 03 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI – 2016

Công trình được hoàn thành tại: Học viện khoa học xã hội
Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS. Bùi Thanh Quất**
- 2. TS. Nguyễn Thanh Tân**

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Ngọc Long

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn

Phản biện 3: GS.TS. Lê Văn Quang

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện tại:
Học viện Khoa học xã hội. Vào hồi giờ....ngày.....tháng...năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Duy thức học là một tông phái lớn của Phật giáo Phát triển. Sự ra đời của Duy thức học đã đáp ứng nhu cầu giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ Phật giáo, là sự tranh luận giữa Phật giáo Trung quán và Phật giáo Nhất thiết hữu bộ về vấn đề tự tính của vạn pháp. Nghiên cứu về Duy thức học không chỉ giúp hiểu rõ hơn về giáo lý của Phật giáo Phát triển, mà còn có cách nhìn toàn diện về triết học Phật giáo.

Ý thức là nội dung quan trọng của Duy thức học và các ngành khoa học khác như: triết học, tâm lý học, ngôn ngữ học, v.v. Duy thức học được xem là môn chuyên biệt về *tâm*, họ đã có những phân tích chi tiết, phức tạp về vấn đề ý thức trong đời sống cá nhân và xã hội, vì thế, nghiên cứu về ý thức trong Duy thức học có thể trở thành những gợi ý quan trọng đối với sự phát triển của các ngành khoa học nghiên cứu về ý thức.

Phật giáo có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, dưới sự tiếp biến văn hóa, tư tưởng Phật giáo đã thâm nhập và trở thành một bộ phận tham gia cấu thành văn hóa con người Việt. Những nghiên cứu về Duy thức học, hay ý thức trong Duy thức học còn khá ít, vì thế nghiên cứu về Duy thức học là cần thiết để nhận thức rõ hơn triết học Phật giáo nói chung và tư tưởng triết học Phật giáo thời kì Lý - Trần nói riêng.

Nghiên cứu về ý thức trong Duy thức học từ góc nhìn duy vật biện chứng, không chỉ giúp nhận thức rõ và toàn diện hơn về triết lý của Phật giáo Phát triển, mà qua đó, còn góp phần chỉ ra những giá trị của quan điểm về ý thức trong Duy thức học đối với việc nghiên cứu vấn đề ý thức trong giai đoạn hiện nay.

Từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài: *Vấn đề ý thức trong Duy thức học* làm đề tài luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

Luận án có mục đích làm rõ nội dung và những giá trị của quan điểm Duy thức học về nguồn gốc, bản chất, cấu trúc, sự vận hành của ý thức trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng.

Để đạt được mục đích trên, luận án phải thực hiện ba nhiệm vụ:

Thứ nhất, phân tích và đánh giá quan điểm Duy thức học về sự hình thành, bản chất và cấu trúc của ý thức.

Thứ hai, phân tích và đánh giá quan điểm Duy thức học về sự vận hành của ý thức trong quá trình nhận thức của con người.

Thứ ba, làm rõ những cống hiến của quan điểm Duy thức học về hình thành, bản chất và cấu trúc của ý thức, về hoạt động của ý thức trong hoạt động nhận thức của con người.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: vấn đề ý thức trong Duy thức học

Phạm vi nghiên cứu: chúng tôi giới hạn phạm vi nghiên cứu đề tài luận án vào những sách kinh điển và những tài liệu có liên quan (trực tiếp hoặc gián tiếp) đến vấn đề ý thức trong Duy thức học được biên soạn hoặc biên dịch bằng tiếng Việt (vì hiện nay hầu hết sách kinh điển của Duy thức học cơ bản đã được dịch ra tiếng Việt).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận án là thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Phép biện chứng duy vật được vận dụng với tư cách là phương pháp luận trong nghiên cứu về vấn đề ý thức trong Duy thức học. Bên cạnh đó, luận án sử dụng lồng ghép những phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích – tổng hợp, logic – lịch sử, so sánh – đối chiếu, v.v.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án có những đóng góp nhất định sau đây:

Thứ nhất, phân tích và hệ thống hóa quan điểm Duy thức học về sự hình thành, bản chất, cấu trúc của ý thức;

Thứ hai, làm rõ quan điểm Duy thức học về cơ chế vận hành, qui trình hoạt động và tác dụng của ý thức đối với đời sống con người.

Thứ ba, đánh giá và làm rõ những giá trị cơ bản, những đóng góp chủ yếu của quan điểm Duy thức học về ý thức và sự vận hành của ý thức.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ túc vào nhận thức về triết học Phật giáo nói chung và Duy thức học nói riêng, có cái nhìn tương đối hệ thống và toàn diện về triết học của Phật giáo Phát triển.

Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là tài liệu để nghiên cứu về triết học Phật giáo nói chung và triết học Duy thức nói riêng, luận án có thể dùng làm tài liệu nghiên cứu trong các trường Phật học, và trong nghiên cứu về triết học Phật giáo ở các trường đại học.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình đã công bố liên quan đề tài luận án và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận án có 4 chương, gồm 13 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan những nghiên cứu liên quan đến sự hình thành Duy thức học

Những người sáng lập ra tông phái Duy thức học là Vô Trước và Thế Thân, những tác phẩm kinh điển như: *Du già sư địa luận*, *Nhiếp luận đại thừa*, *Luận biện trung biên*, v.v. đều lấy pháp Phật thuyết làm điểm tựa. Tác phẩm *Tìm hiểu nguồn gốc Duy thức học* của Ấn Thuận, có thể nói là đã khái quát tương đối toàn vẹn về lịch sử phát triển tư tưởng của Duy thức học. Từ góc độ lịch sử, ông đã phân tích về mặt tư tưởng từ Phật giáo nguyên thủy, qua Phật giáo Bộ phái, để thấy được sự tiếp biến về tư tưởng trong Phật giáo Phát triển. Nghiên cứu về Phật giáo Nguyên thủy, ông đã chỉ ra nguồn gốc của bản thể. Thời kì Phật giáo Bộ phái, ông cũng đi vào phân tích về quan niệm của Nhất thiết hữu bộ và Đại chúng bộ về vấn đề tâm vương và tâm sở. Bên cạnh đó những tác phẩm như: *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận*, *Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận*, *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, *Lịch sử triết học Ấn Độ*, hay *Tư tưởng Phật giáo Ấn Độ* cho chúng tôi những cách nhìn mới về sự vận hành tư tưởng Phật giáo Ấn Độ nói chung và tư tưởng Duy thức học nói riêng.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến sự hình thành, bản chất và cấu trúc của ý thức trong Duy thức học

Trong *Du già sư địa luận, tập 2*, *Du già sư địa luận, tập 3*, và *Du già sư địa luận, tập 4*, Vô Trước đã chỉ ra, alaya thức là căn bản thức sinh ra các thức khác, tất cả các thức đều nằm trong alaya thức với tư cách là những chủng tử, khi hội đủ những điều kiện cần thiết sẽ phát sinh thành thức. *Kinh Giải thâm mật* lấy a đà na thức làm nền tảng và xây dựng mà phát sinh sáu thức nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. *Luận thành*

Duy thức đã làm rõ những vấn đề về sự khác biệt giữa tâm, ý và thức. Những tác phẩm kinh điển khác như: *Pháp tướng tông – Duy thức tam thập tụng*, *Duy thức học – Bát thức quy củ tụng*, *Luận biện trung biên* và *Nhiếp luận*, ở mức độ nhất định cũng đã chỉ ra mối quan hệ giữa ý thức và các thức khác, và trong hoạt động nhận thức, cho thấy ý thức có vai trò quan trọng trong hành động và lời nói của con người. Trong *Duy thức học thông luận*, Thạc Đức đã có những phân tích để thấy rằng, xét về bản thể, ý thức là sự biến hiện từ alaya thức..

1.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến sự vận hành của ý thức trong Duy thức học

Trong *Nhiếp luận*, Vô Trước đã chỉ ra, ý thức chỉ kết hợp với năm thức trước mới nhận thức được đối tượng bên ngoài, bản thân ý thức không có căn biểu lộ để tiếp nhận trực tiếp về đối tượng. Tuy không đi vào chi tiết, song Huyền Trang đã chỉ ra các hình thái nhận thức của ý thức: hiện lượng và tỷ lượng. Trong tác phẩm, *Triết học Thế Thân*, Lê Mạnh Thát đã cho người đọc một cái nhìn tương đối hệ thống về quan niệm triết học của Thế Thân, đặc biệt trong vấn đề nhận biết và cơ cấu tự nhận biết. học. *Duy thức học thông luận*, *Tìm hiểu Duy thức học*, *Vấn đề nhận thức trong Duy thức học*, *Giảng luận Duy biểu học*, *Duy thức học cương yếu* và *Phương pháp khoa học của Duy thức học*, đã phân tích về nguyên nhân sinh ra các cảnh của tâm thức là do tương quan giữa kiến phần và tướng phần ý thức. *Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm*, *Pháp tướng tông – Duy thức tam thập tụng*, *Duy thức học – Bát thức quy củ tụng* các tác giả đã chỉ ra khi ý thức kết hợp với các tâm sở, và tùy vào từng trường hợp mà ý thức có hai hình thức hoạt động: ý thức ngũ câu và ý thức độc đầu.

1.4. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến giá trị của quan điểm ý thức trong Duy thức học

Trong *Tinh hoa và sự phát triển của đạo Phật*, Conze đã chỉ ra sự khác nhau trong cách tiếp cận về Phật giáo của các học giả phương Tây, và đi đến khẳng định, Duy thức học có những nét tương đồng với thuyết duy tâm của Berkeley. Dan Lusthaus trong *Du già hành tông* và H. Zimmer trong *Phật giáo và tâm thức* chỉ ra, tiếp cận triết học Phật giáo nói chung và triết học Duy thức nói riêng, cần thấy sự khác biệt trong cách đặt vấn đề của triết học phương Tây và của Duy thức học. O.Rozenberg trong *Phật giáo những vấn đề triết học*, đã đưa ra sự đánh giá, so sánh về những vấn đề then chốt của triết học Phật giáo như: bản thể luận, nhận thức luận, nghiệp hay duyên. Trong *Duy thức học thông luận* và *Khái luận về pháp tướng Duy thức học* khi phân tích về bản thể của pháp tướng Duy thức, Thạc Đức và Thái Hư đã có những so sánh nhất định lập trường triết học Duy thức đối với các lý thuyết của phương Tây.. *Logic học Phật giáo*, tác giả Phạm Quỳnh đã có sự phân tích, hệ thống hóa tư tưởng logic học Phật giáo qua khảo cứu tác phẩm của các tác giả như: Trần Na (Dignāga), Pháp Xứng (Dharmakīrti) và Thương Yết La Chủ (Sankara-svāmin). Trong *Lưới trời ai dệt, Đạo của vật lý, Đối thoại triết học và Phật giáo và Cái vô hạn trong lòng bàn tay, Đạo Phật và khoa học, Tìm hiểu Trung luận – Nhận thức luận Phật giáo và không tánh trung quán luận, Triết học và khoa học phương Tây với lý nhân quả của Phật giáo, Tinh hoa triết học Phật giáo, Giáo dục Phật giáo và chương trình đại học và Phật giáo và tâm thức* đã phần nào chỉ ra giá trị của vấn đề nhận thức luận Phật giáo đối với sự phát triển của triết học Phật giáo.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Thứ nhất, những nghiên cứu đã chỉ ra thời kì Phật Thích Ca, Duy thức học chưa thành hệ thống, và không tồn tại với tư cách một tông phái, song một số tư tưởng căn bản của Duy thức học đã có trong kinh điển Nykaya. *Thứ hai*, qua sự phân tích về thức nói chung, các nhà kinh điển cũng như các luận sư Phật giáo đã có những sự phân tích nhất định để chỉ ra cấu trúc và chức năng của ý thức trong quan điểm của Duy thức học. *Thứ ba*, nghiên cứu về sự vận hành của ý thức, các công trình liên quan đã có sự phân tích về hai hình thái nhận thức hiện lượng và tỷ lượng, và chỉ ra trong tám thức tâm vương chỉ riêng ý thức mới có hình thái nhận thức tỷ lượng. *Thứ tư*, bàn về giá trị của vấn đề ý thức trong Duy thức học, các công trình nghiên cứu liên quan chưa trực tiếp bàn về vấn đề giá trị của vấn đề ý thức trong Duy thức học đối với sự phát triển của xã hội hiện đại.

CHƯƠNG 2

DUY THỨC HỌC VÀ QUAN ĐIỂM CỦA DUY THỨC HỌC VỀ SỰ HÌNH THÀNH, BẢN CHẤT, CẤU TRÚC CỦA Ý THỨC

2.1. Khái quát về Duy thức học

2.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành Duy thức học

Phật giáo Phát triển ra đời và được chia thành ba thời kì chính, thứ nhất là sơ kì, tư tưởng chính là *giai hữu tính không*, được tập trung trong tư tưởng Trung Quán của Long Thọ. Thứ hai là trung kì, tư tưởng chính là *Như lai tạng* duyên khởi và *alaya thức* duyên khởi, tư tưởng này được thể hiện tập trung trong Duy thức tông do hai anh em ruột là Vô Trước và Thế Thân sáng lập. Thứ ba là hậu kì, kéo dài từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, về sau, Phật giáo Phát triển còn xuất hiện các tông phái khác như: Thiền tông, Mật tông, Hoa nghiêm tông, v.v. Vô Trước (Asanga) và Thế Thân (Vansubahu) là hai nhân vật đã xây dựng, hệ

thống hóa và truyền bá tư tưởng Duy thức học. Về sau, tư tưởng Duy thức tiếp tục được phát triển qua các vị luận sư như: Thân Thắng, Hòa Biện, Đức Tuệ, Trần Na, An Tuệ, Hộ Pháp, Giới Hiền. Đến thế kỷ thứ VII, Duy thức học đã được truyền bá đến Trung Hoa, người có công đưa tư tưởng duy thức từ Ấn độ về Trung hoa là Huyền Trang.. Sau Huyền Trang, người có công phát triển và truyền bá tư tưởng Duy thức là Khuy Cơ – học trò của Huyền Trang. Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hai nguồn là Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Hoa, Duy thức học không trở thành một tông phái riêng ở Việt Nam nhưng đã xuất hiện rất sớm. Trong tư tưởng của thiền phái Trúc lâm Yên tử, đã có sự ảnh hưởng của Phật giáo đại thừa nói chung và Duy thức học nói riêng.

2.1.2. Khái quát về hệ thống tư tưởng của Duy thức học

Xét về tư tưởng, Duy thức học phát triển trên nền tảng của Phật giáo đại thừa, đặc biệt chịu sự ảnh hưởng lớn về mặt tư tưởng của học thuyết Trung quán. Duy thức học có sự bàn luận khá phức tạp về đời sống tâm lý người, song xét ở góc độ hệ thống, đa phần các học giả đều cho rằng, tư tưởng Duy thức học được thể hiện dưới bốn điểm lớn: *Thứ nhất*, tất cả hiện hữu đều do thức biến hiện. Vạn vật tồn tại trước con người với tư cách là khách thể nhận thức đều do duyên mà thành, nên chúng không có bản thể độc lập. *Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức* là giáo nghĩa căn bản của Duy thức học, tất cả đều được từ tâm hay thức mà ra. *Thứ hai*, nguyên nhân của mọi hiện hữu có nguồn gốc từ tàng thức. Alaya có khả năng tiếp nhận tất cả các pháp, nó là nơi lưu giữ tất cả các chủng tử; đặc tính làm nhân là mọi hiện hữu của vạn pháp đều có nguồn gốc từ chủng tử trong alaya thức, có thể nói alaya vừa là nguyên nhân, nhưng đồng thời cũng là kết quả. Trong tám thức tâm vương, bảy thức trước luôn biến đổi, có sinh và có diệt, chỉ alayda thức

là không biến đổi, không bị sinh diệt chi phối. *Thứ ba*, thức có tam tự tính, sau khi đi giác ngộ thì thành tam vô tự tính. Ba tự tính là: tính Biến kế sở chấp, tính Y tha khởi và tính Viên thành thật. Từ tam tự tính, Duy thức học đề ra thuyết *tam vô tự tính*, gồm: tướng vô tính, sinh vô tính và thắng nghĩa vô tính. *Thứ tư*, về mối quan hệ giữa ba tự tính và ba thân phật. Theo Duy thức học, khi giác ngộ, các thức của con người có sự chuyển đổi căn bản về chất, là trở thành trí: năm thức trước được chuyển thành *Thành sở tác trí*. Thức thứ sáu (ý thức) sẽ được chuyển thành *Diệu quan sát trí*. Thức thứ bảy (mạt na thức) chuyển thành *Bình đẳng tính trí*. Và thức thứ tám (alaya) chuyển thành *Đại viên cảnh trí*. Với bốn trí như vậy, Phật có ba thân: Pháp thân, báo thân và hóa (ứng) thân. Trong ba thân, chỉ pháp thân là thể hiện tinh thần của *chân như*.

2.2. Quan điểm của Duy thức học về cơ chế hình thành ý thức

Khảo sát về sự hình thành ý thức trong Duy thức học ta thấy, xét về bản thể: *thứ nhất*, ý thức không phải là linh hồn của con người, cũng không phải là cái được cho bởi lực lượng siêu nhiên tồn tại bên ngoài con người. *Thứ hai*, ý thức không phải là sản phẩm của vật chất, cụ thể là bộ não người. Theo Duy thức học, mỗi thức phải nương vào một căn để tồn tại. Khác với năm thức trước, ý thức không có căn biểu lộ ra bên ngoài (phù trần căn) để nhận thức trực tiếp về đối tượng nên lấy mạt na thức làm căn. Trong alaya thức, có chứa chủng tử của ý thức, khi đủ những điều kiện (nhân kiến lập) thì chủng tử này phát sinh thành thức, tức ý thức. Tác động giữa căn và trần mới là điều kiện cần, để thức phát sinh phải có thêm điều kiện đủ là *duyên* (duyên nhiều hay ít tùy thuộc vào từng đặc tính của các thức). Để phát sinh, ý thức cần phải có đủ năm duyên bao gồm: Căn duyên, cảnh duyên, tác ý duyên, căn bản y duyên và chủng tử y duyên.

Như vậy, từ lập trường duy vật biện chứng, có thể thấy trong vấn đề về nguồn gốc của ý thức, Duy thức học có khuynh hướng duy tâm chủ quan.

2.3. Quan điểm của Duy thức học về bản chất, cấu trúc và chức năng của ý thức

2.3.1. Bản chất của ý thức

Đi vào nhận thức, ý thức có hai hình thức hoạt động là, hoạt động độc lập hoặc kết hợp với năm thức trước để nhận biết về đối tượng. Xét về tính chất, ý thức có đủ ba tính: thiện, ác và vô ký, việc thể hiện như thế nào phụ thuộc vào sự liên kết với các tâm sở. Ý thức với khả năng suy luận, đánh giá và phán đoán, có thể nhận thức được những mặt, thuộc tính không có biểu hiện bên ngoài, đó chính là các dấu hiệu, tính chất ẩn đằng sau vẻ bề ngoài của đối tượng. Một tính chất riêng có của ý thức mà năm thức trước không có là khả năng ghi nhớ, nên ý thức có thể nhận thức về đối tượng một cách độc lập mà không cần có sự phối hợp với năm thức trước, đây là quá trình suy luận, tái cấu trúc lại hình ảnh đối tượng của ý thức. Do đó, hình ảnh hay thông tin của đối tượng trong ý thức mang tính toàn thể. Hình ảnh hay thông tin về đối tượng của ý thức trong Duy thức học có sự khác biệt so với quan niệm của lý thuyết phản ánh trong triết học duy vật biện chứng, điều đó được thể hiện qua hai nghĩa: *thứ nhất*, nếu trong triết học duy vật biện chứng, đó là hình ảnh chủ quan về cái khách quan, và cái chủ quan phụ thuộc vào cái khách quan, thì trong Duy thức học cái chủ quan hay cái hình ảnh này do *thức* biến hiện. *Thứ hai*, hình ảnh hay thông tin của ý thức về đối tượng nhận thức chịu sự tác động từ sự nhận thức của ý thức về năm hình ảnh do năm thức trước mang lại, và chúng tử nằm trong alaya thức. Như vậy, xét về bản chất, ý thức là sự tự thể hiện mình của tâm vương trong hoạt động nhận thức, nội dung của ý thức là những thông

tin về đối tượng tồn tại trong tính chính thể, song những thông tin đó không phải là sự phản ánh tồn tại của đối tượng với tư cách là hiện thực khách quan, mà đó là hiện tượng của thế giới được sinh ra bởi hoạt động tương tác giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức.

2.3.2. Cấu trúc của ý thức

Trong Luận thành duy thức, dựa trên Duy thức tam thập tụng của Thế Thân, Huyền Trang chia thức thành bốn phần: kiến phần, tướng phần, tự chứng phần và chứng tự chứng phần. *Kiến phần của ý thức* là khả năng nhận biết, so sánh, suy luận về đối tượng, nói lên tác dụng nhận thức của ý thức, khi tiếp cận với pháp trần (đối tượng nhận thức). *Tướng phần ý thức* là thức của năm thức trước, hay kiến phần của năm thức là tướng phần của ý thức, nghĩa là những thông tin về đối tượng trong hoạt động nhận thức của năm thức giác quan trở thành đối tượng nhận thức của ý thức. Vì có tướng phần ý thức được thành lập mới sinh ra kiến phần ý thức, khi kiến phần của ý thức xuất hiện tức phần *dụng* của ý thức được biểu hiện, tức ý thức có được những thông tin về đối tượng, qua đó đánh giá, suy luận về đối tượng đó, song những thông tin này cần được kiểm chứng, đánh giá lại, đây là phần *tự chứng phần* của ý thức. Tiếp đến, ý thức có sự so sánh những thông tin mới có về đối tượng với những thông tin đã có về đối tượng, để phân tích, suy luận, đánh giá, qua đó đưa ra nhận định cuối cùng về đối tượng, đây là phần *chứng tự chứng phần* của ý thức. Trong bốn phần của ý thức, phần thứ nhất chỉ là sở duyên (đối tượng). Ba phần sau gồm cả hai (vừa là đối tượng vừa là chủ thể).

2.3.3. Chức năng của ý thức

Từ quan niệm của Duy thức học, chúng tôi tìm hiểu hai chức năng quan trọng của ý thức là chức năng phân biệt và sinh khởi dục vọng.

Thứ nhất, là chức năng phân biệt, cũng là chức năng nhận thức, gồm ba hình thức phân biệt: *Một là, tự tính phân biệt*, là khả năng nhận thức bản tính chân thật về đối tượng của ý thức. *Hai là, kế độ phân biệt*, hình thức này xuất hiện sau sát na sinh diệt đầu tiên của tự tính phân biệt. *Ba là, tùy niệm phân biệt* hay còn gọi là kế độ về kế độ. Dạng nhận thức này, ý thức có sự so sánh, phân biệt giữa những thông tin về đối tượng ở hình thức kế độ phân biệt với những thông tin về đối tượng đã diễn ra trong quá khứ, nghĩa là ý thức sẽ đánh giá lại những thông tin trong hoạt động nhận thức, từ đó đưa ra kết luận về đối tượng.

Thứ hai, chức năng sinh khởi dục vọng. Đây không phải là chức năng căn bản của ý thức, Duy thức học cho rằng những trạng thái tâm lý không làm chủ nhận thức thuộc về tâm sở, song tâm sở được sinh ra từ tâm vương và trợ giúp tâm vương trong hoạt động nhận thức, nên trong hoạt động tâm vương có sự tác động tới tâm sở.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Sự ra đời của Duy thức học có nguồn gốc tư tưởng trong kinh Nykaya. Trên lập trường *thế giới duy tâm, vạn pháp duy thức*, Duy thức có khuynh hướng duy tâm chủ quan về ý thức, khi lấy thức là cơ sở sinh ra vạn pháp, trong đó, thức thứ tám là thức căn bản, thức này là chỗ nương cho các thức khác hoạt động. Ý thức được cấu trúc bởi bốn phần, sự nhận thức của ý thức không chỉ dừng lại ở góc độ tiếp nhận đối tượng, mà còn là hoạt động tự nhận thức về kết quả nhận thức của ý thức.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM DUY THỨC HỌC VỀ SỰ VẬN HÀNH CỦA Ý THỨC

3.1. Các hình thức tồn tại và nhận thức của ý thức

3.1.1. Đối tượng nhận thức của ý thức

Theo các nhà kinh điển của Duy thức học, về thực chất, ý thức lấy thức thứ bảy (mạtna thức) làm căn để nhận biết về đối tượng, và đối tượng nhận thức của ý thức là pháp trần - những đối tượng không tồn tại tự thân mà là những thông tin do năm thức trước mang lại được lưu giữ trong các mạtna. Vậy là theo Duy thức học, chủ thể và đối tượng trong trường hợp của ý thức không có sự tồn tại độc lập hay tách rời mà làm nên nhau, và hết thảy đều là sự biến hiện của thức. Phân tích mối tương quan sinh thành ấy của nhận thức, Duy thức học chia thành *tướng phần* thuộc về đối tượng nhận thức và *kiến phần* thuộc về chủ thể nhận thức; phần thứ nhất đem lại nội dung nhận biết của thức và phần thứ hai phát huy năng lực nhận biết của thức. Trong nhận thức, ý thức lấy thức của năm thức trước (tức kiến phần của tiền ngũ thức) làm tướng phần nhận thức của mình, nghĩa là cái biết của năm thức trước trở thành đối tượng nhận thức của ý thức. Đối tượng này trong tương quan với kiến phần, có ba hiện tướng (ba biểu hiện của tướng phần) tức ba cảnh: tính cảnh, đới chất cảnh và độc ảnh cảnh.. Trong đời sống thường nhật của con người, đối tượng hoạt động chủ yếu của ý thức là đới chất cảnh và độc ảnh cảnh, đây là hai cảnh ý thức thường xuyên hoạt động để đưa ra những nhận định, phán đoán, suy luận của mình nhằm định hướng hoạt động của chủ thể.

3.1.2. Phương thức hoạt động của ý thức

Trong hoạt động nhận thức, ý thức hoạt động trên hai phương diện: *thứ nhất*, Ngũ câu ý thức là phương thức hoạt động mà ý thức phối hợp với năm thức trước để nhận thức về đối tượng. Ý thức có thể kết hợp với bất kì thức nào trong năm thức trên, song điều đó không có nghĩa là ý thức luôn hoạt động đồng thời với năm thức đó, mà có thể với một, hay nhiều thức trên tùy thuộc vào từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể. *Thứ hai*, là hoạt động độc lập, không có sự liên hệ với năm thức trước, được gọi là *độc đầu ý thức*. Khi không phối hợp với năm thức trước, ý thức hoạt động riêng biệt với biểu hiện như: suy nghĩ về hiện tại, hồi tưởng những việc đã qua trong quá khứ hay tưởng tượng, hoạch định những việc trong tương lai. Bàn về phạm vi hoạt động của hình thức này, Duy thức học chi thành bốn trường hợp: ý thức tán vị, ý thức trong mộng, ý thức trong điên loạn và ý thức trong thiên định. Phổ biến nhất là *ý thức tán vị*, đây là trường hợp ý thức hoạt động với những biểu hiện như: suy nghĩ, tưởng tượng về quá khứ, hiện tại và tương lai. *Ý thức trong mộng* là trường hợp ý thức hoạt động trong giấc mộng khi chủ thể đang ngủ, cảnh hoạt động của ý thức trong trường hợp này do ý thức xây dựng nên. *Ý thức trong cơn điên loạn* hay cuồng loạn ý thức là trường hợp ý thức hoạt động trong trạng thái chủ thể bị bệnh về tâm thần, hay không làm chủ được tâm thần. *Ý thức trong định* là hình thái hoạt động của ý thức khi ý thức đi vào trạng thái thiên định.

3.2. Hình thái vận hành của ý thức

3.2.1. Hình thái vận hành của ý thức trong nhận thức hiện lượng

Hiện lượng (direct perception) là hình thái nhận thức trực tiếp của chủ thể về khách thể ở sát na đầu tiên, ở đó không có hình thức trung gian, không có suy luận hay phán đoán của ý thức. Hiện lượng là dạng nhận thức của tri giác, và sản phẩm của quá trình này là tri thức không dựa trên phân biệt và suy luận mà dựa trên tri giác trực tiếp. Đối tượng

trong hình thái nhận thức hiện lượng của thức là cái riêng, cái đặc thù, tức tự tướng của đối tượng. Ý thức không hoạt động nhiều ở hình thái nhận thức hiện lượng, bởi bản thân nó luôn có sự suy luận, phán đoán về đối tượng. Song, theo Duy thức học, ý thức có hai phương thức hoạt động, bên cạnh việc hoạt động độc lập, thì ý thức còn đồng khởi với năm thức trước, đây là trường hợp ngũ câu ý thức. Trong phương thức này, khi ý thức kết hợp với các thức giác quan để nhận thức về đối tượng, ý thức cũng trải qua hình thức nhận thức hiện lượng ở sát na sinh diệt đầu tiên.

Đi vào nhận thức hiện lượng, ý thức kết hợp với năm thức giác quan để nhận biết về đối tượng, trong hoạt động như vậy, có những kết quả nhận thức là đúng, đồng thời có những kết quả không đúng về đối tượng. Những trường hợp nhận thức đúng được gọi là *chân hiện lượng*. Những trường hợp nhận thức hiện lượng không chính xác, gọi là *tợ hiện lượng*.

3.2.2. Hình thái vận hành của ý thức trong nhận thức tỷ lượng

Tỷ lượng (inference) là hình thức nhận thức gián tiếp về đối tượng. Nếu đối tượng trong nhận thức hiện lượng là cái riêng, tức tự tướng thì đối tượng trong nhận thức tỷ lượng là cái chung, tức cộng tướng. Căn cứ vào những đặc trưng của suy luận, Phật giáo đã chia nhận thức tỷ lượng thành năm hình thức nhận biết là: *tướng tỷ lượng*, là ý thức dựa vào những dấu hiệu, những biểu hiện hình tướng bên ngoài của đối tượng mà xét đoán về một đối tượng khác; *thể tỷ lượng*, là hình thức mà ý thức chỉ dựa vào cái bộ phận mà suy luận ra cái toàn thể, hoặc dựa vào cái hiện tại mà suy luận ra cái quá khứ và tương lai; *nghiệp tỷ lượng*, là ý thức dựa vào sự tác động của sự vật này đối với các sự vật, hiện tượng khác để đưa ra suy luận hay phán đoán về đối tượng; *pháp tỷ lượng*, là ý thức nhận biết được sự liên hệ với các pháp nên chỉ cần

biết về một pháp liên có thể suy luận ra các pháp khác cũng có tính chất như vậy; *nhân quả tỷ lượng*, là khả năng suy luận mối liên hệ nhân quả giữa các sự vật, hiện tượng của ý thức. Tỷ lượng là dạng nhận thức gián tiếp, có hai hình thức: *chân tỷ lượng* và *tợ tỷ lượng*. *Chân tỷ lượng* là hình thái nhận thức mà ý thức nhận thức đúng về tính chất, giá trị của các sự vật, hiện tượng bằng quá trình suy luận và diễn dịch. *Tợ tỷ lượng* là hình thức nhận thức mà kết quả gần giống với đối tượng nhưng không phải đối tượng. Tợ hiện lượng và tợ tỷ lượng gọi chung là phi lượng.

Theo Duy thức học, nhận thức hiện lượng và tỷ lượng đều là sự biểu hiện của thức, hay đây là hình thức mà alaya thức tự triển khai bản thân mình.

3.3. Các cấp độ nhận thức của ý thức

Theo Duy thức học, khách thể trong mỗi tương quan với chủ thể, luôn thể hiện ra ba cấp độ hay ba tính chất là: biến kế sở chấp tính, y tha khởi tính và viên thành thật tính.

Cấp độ thứ nhất của ý thức là *biến kế sở chấp tính*. Lớp nghĩa này của đối tượng không tồn tại nơi đối tượng mà do ý thức gán cho nó, nên về bản chất là không thật có trong tồn tại tự thân của đối tượng. Cấp độ thứ hai trong nhận thức của ý thức là *Y tha khởi tính*. Theo Phật giáo, vạn pháp trên thế gian đều tồn tại theo lý duyên khởi: *cái này có nên cái kia có/ cái này diệt nên cái kia diệt*, tất cả đều do nhân duyên mà thành, và cũng do duyên mà diệt. Y tha khởi được hiểu là sự phân biệt phát sinh do bởi các duyên, vạn pháp trong thế gian đều tồn tại theo luật duyên sinh *cái này có thì cái kia có*, tất cả không ra khỏi luật *duyên sinh*. Nếu trong y tha khởi, ý thức sử dụng hai khái niệm vô ngã và vô thường để phá bỏ chấp ngã và chấp pháp của biến kế sở chấp, thì ở cấp độ cao hơn, ý thức phá bỏ luôn hai khái niệm này để nhận thức được tự

tính của vạn pháp. Đây là cấp độ nhận thức cao nhất của ý thức về đối tượng, cũng là nhận thức về chính nó, cấp độ nhận thức được tự tính của vạn pháp – *viên thành thật tính*.

Ba cấp độ nhận thức của ý thức từ biến kể sở chấp, y tha khởi đến viên thành thật là con đường nhận thức chân lý của ý thức trong Duy thức học nói riêng và Phật giáo nói chung.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong hoạt động nhận thức, ý thức có hai phương thức hoạt động: ý thức hoạt động trong mối liên hệ với năm thức giác quan - ý thức ngũ câu, đối tượng nhận thức là tính cảnh và đối chất cảnh; và hoạt động độc lập - ý thức độc đầu, đối tượng nhận thức là đối chất cảnh và độc ảnh cảnh. Trong hoạt động nhận thức, ý thức có hai hình thái cơ bản là: nhận thức hiện lượng và nhận thức tỷ lượng. Từ quan điểm *thế giới duy tâm, vạn pháp duy thức*, bàn về các cấp độ nhận thức của ý thức, Duy thức học cho rằng, quá trình nhận thức của ý thức về đối tượng cũng là quá trình ý thức tự nhận thức về bản thân nó.

CHƯƠNG 4

GIÁ TRỊ CỦA QUAN ĐIỂM DUY THỨC HỌC VỀ Ý THỨC

4.1. Giá trị quan điểm Duy thức học về ý thức với sự phát triển của Phật giáo

Vào thế kỷ thứ IV (SCN) ở Ấn Độ, trong nội bộ Phật giáo tồn tại mâu thuẫn đầy đủ giữa Tiểu thừa Phật giáo với đại diện tiêu biểu là phái Nhất thiết hữu bộ và Đại thừa Phật giáo với đại diện tiêu biểu là phái Trung quán. Khi Phật giáo Phát triển ra đời, hệ phái có tư tưởng phê phán mạnh nhất đối với phái Nhất thiết hữu bộ là Trung quán luận do Long Thọ xác lập. Sau khi Long Thọ qua đời khoảng 200 năm, lập trường trung đạo ôn hòa, trong thuyết Trung quán của ông đã không được duy trì mà trở nên cực đoan. Luận giải về vạn pháp có tự tính hay

không có tự tính, Duy thức học đã tạo nên sự khác biệt căn bản về chất so với các tông phái Phật giáo đương thời. Từ vấn đề ý thức, Duy thức học đã đóng góp vào sự phát triển triết học Phật giáo trên hai điểm lớn: *Thứ nhất*, giải quyết vấn đề tồn tại của vạn pháp, Duy thức học đã khắc phục được những mâu thuẫn trong tranh biện về vấn đề tồn tại giữa Tiểu thừa và Trung quán. *Thứ hai*, từ vấn đề tự tính của vạn pháp, Duy thức học còn đóng góp vào việc giải quyết vấn đề mê – ngộ, Phật – chúng sinh trong triết lý Phật giáo.

Duy thức học đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của Phật giáo Phát triển, đồng thời cũng góp phần giải quyết những mâu thuẫn nội tại về mặt tư tưởng trong tiến trình phân chia bộ phái của Phật giáo, điều này giúp cho Phật giáo trở thành một khối thống nhất, tuy có sự khác biệt về đường lối tu hành nhưng đồng nhất về mục đích và bản thể.

4.2. Giá trị quan điểm Duy thức học về ý thức với sự phát triển của triết học

Khi nghiên cứu về vấn đề ý thức trong Duy thức học, chúng tôi đi vào khảo cứu những đóng góp của Duy thức học trên hai phương diện là bản thể luận và nhận thức luận.

Thứ nhất, Duy thức học phủ nhận sự tồn tại khách quan của đối tượng nhận thức. Ý thức tự phân thành kiến phần và tướng phần, hai phần này không độc lập và tách biệt, mà chúng làm nên nhau, có kiến phần thì mới có tướng phần. Duy thức học cho rằng, vạn vật tồn tại đều từ thức mà ra, ngoài thức không gì là thật, song, quan niệm này của Duy thức học không như quan điểm của các thuyết duy tâm hữu thần. Alaya thức còn được gọi tàng thức, nó có khả năng chứa tất cả những chủng tử, mọi hành vi cố ý của con người trong quá khứ và hiện tại đều được lưu trữ trong alaya thức. Quá trình chuyển biến của thức cũng là

quá trình thế giới được xây dựng, theo Duy thức học, thế giới có hai dạng tồn tại: thế giới hiện tượng và thế giới chân thật. Trong quan điểm này của Duy thức, ta thấy trong vấn đề bản thể có nét gần với vấn đề bản thể luận trong triết học của Kant, khi thừa nhận sự tồn tại của hai thế giới: thế giới hiện tượng và thế giới vật tự nó, song, sự khác biệt là, với Kant, hai thế giới vật tự nó và thế giới hiện tượng là tách biệt, và con người trong đời sống thường nghiệm không thể vươn tới thế giới vật tự nó, tuy biết có sự tồn tại của vật tự nó nhưng không thể nhận thức, cũng như sống trải được với nó, với Duy thức học, đó đều là sự biến hiện của thức, và con người có thể nhận thức được thế giới tính cảnh.

Thứ hai, từ góc độ nhận thức luận, quan điểm của Duy thức học về ý thức có những giá trị sau: Về *nhận thức hiện lượng, thứ nhất*, hiện lượng là dạng nhận thức trực giác về đối tượng, với những đặc trưng là, trực tiếp, không phụ thuộc vào kinh nghiệm, không phân biệt và không diễn tả bằng ngôn ngữ. *Thứ hai*, nhận thức hiện lượng có những nét tương đồng với nhận thức trực giác siêu nghiệm của Husserl, trực giác lý tính của Bergson. *Thứ ba*, hiện lượng hay trực giác là hình thức nhận thức của ý thức, góp phần vào nhận biết tự tính của đối tượng, song không phải trực giác hay hiện lượng nào cũng đúng, mà có chân hiện lượng và tợ hiện lượng. Về *nhận thức tỷ lượng, thứ nhất*, với đặc trưng là suy luận và phán đoán, đây là dạng nhận thức mà ý thức phải dựa vào ngôn ngữ, khái niệm và kinh nghiệm để nhận thức về đối tượng. *Thứ hai*, đề cao nhận thức tỷ lượng, xem đó là phương thức để con người đi đến nhận biết về bản tính của đối tượng. *Thứ ba*, nhận thức là quá trình từ thấp đến cao theo những quy tắc nhất định.

4.3. Giá trị của Duy thức học đối với sự phát triển của tâm lý học

Trong đánh giá về giá trị của vấn đề ý thức trong Duy thức học đối với tâm lý học, từ vấn đề được bàn luận trong luận án, chúng tôi hướng đến hai nội dung cơ bản: *thứ nhất*, giá trị đối với tâm lý học chiều sâu hay phân tâm học; *thứ hai*, giá trị đối với sự phát triển của tâm lý học giáo dục.

Theo những nhà tâm lý học phương Tây, trong sáu thức như quan niệm của Duy thức thì chỉ ý thức là hoạt động tâm lý, năm giác quan còn lại hoạt động với tư cách là cái sinh lý. Với quan niệm này, Phân tâm học cũng như tâm lý học phương Tây chưa lý giải được cơ chế tâm lý hình thành cảm giác nơi con người. Về vấn đề này, theo ý kiến cá nhân, chúng tôi cho rằng, quan niệm về sáu thức của Duy thức học có thể là những gợi ý nhất định đối với phân tâm học trong việc lý giải về cơ chế tâm lý người. Bàn về mối quan hệ giữa vô thức và ý thức, cả Duy thức học và Phân tâm học đều cho rằng, ý thức chịu sự tác động của vô thức, khi bàn về cái tự ngã. Bên cạnh đó, việc chỉ ra các phạm vi hoạt động của ý thức trong đời sống tâm lý người của Duy thức học cũng là một trong những gợi ý đáng chú ý đối với sự phát triển của tâm lý học hiện nay.

Định hướng phát triển trong giáo dục Phật giáo là sự cân bằng giữa tâm lý và vật lý, thực tại và lý tưởng - Duy thức học gọi đó là con đường trung đạo. Phật giáo nói chung và Duy thức học nói riêng, đề cao vấn đề nhận thức tự ngã, theo họ, khi con người nhận thức đúng về tự ngã thì mới không có những hành động và suy nghĩ chấp ngã và chấp pháp. Tinh thần giáo dục của Duy thức học xét từ tâm lý học giáo dục là đánh thức ý thức tự giác của mỗi con người. Có thể nói, xét ở góc độ tâm lý học giáo dục, quan điểm của Duy thức học về ý thức có những

nét tương đồng nhất định đối với định hướng giáo dục con người hiện nay, đặc biệt về định hướng xây dựng ý thức tự giác trong mỗi cá nhân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Tóm lại, vấn đề ý thức trong Duy thức học đã có những đóng góp nhất định đối với sự phát triển của Phật giáo, triết học và tâm lý học. Đối với sự phát triển của Phật giáo, Duy thức đã giải quyết được những mâu thuẫn về mặt tư tưởng trong nội bộ Phật giáo. Đối với sự phát triển của triết học, trong vấn đề bản thể luận và nhận thức luận, Duy thức học đã góp phần tạo ra sự phong phú trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. Về tâm lý học, ở góc độ tâm lý học chiều sâu, và tâm lý học giáo dục những bàn luận của Duy thức học về cơ chế hoạt động của thức trong các trạng thái khác nhau, có thể sẽ là những gợi ý đáng chú ý cho việc phân tích cơ cấu vận động của ý thức trong đời sống tâm thần con người.

KẾT LUẬN

Duy thức học với những kiến giải về đời sống tâm lý người, đã đưa tư tưởng của Phật giáo Phát triển lên một trình độ mới về lý luận. Nghiên cứu về vấn đề ý thức trong Duy thức học, có thể rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, tuy không xây dựng một cách hệ thống vấn đề ý thức trong hệ thống triết học, song những kiến giải mà Duy thức học đưa ra về sự hình thành, bản chất và cấu trúc của ý thức đã cho người đọc cách nhìn toàn triệt hơn, về hệ thống Duy thức học nói riêng và triết học Phật giáo nói chung. Thức là phạm trù trung tâm của Duy thức học, theo phân tích của Rozenberg, đây là một thuật ngữ có hai nghĩa: bản thể luận và nhận thức luận. Xét ở góc độ bản thể luận, tuy khiên cưỡng, song có thể nói quan điểm của triết học Duy thức gần với quan niệm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan. Duy thức học thừa nhận sự tồn tại của

thức tuyệt đối (alaya thức) trong mỗi cá nhân, đó là cơ sở sinh thành ra thể giới hiện tượng. Mỗi cá nhân có nghiệp riêng, nên chủng tử tồn tại trong alaya thức là khác nhau, do đó cái thể giới mà họ trải nghiệm cũng khác, song thể giới hiện tượng giữa các cá nhân không phải tách biệt, và giữa họ có quá trình cộng nghiệp, hiện tượng này sinh ra cộng tướng của đối tượng, tức cái thể giới chung của xã hội loài người. Trong nhận thức luận, Duy thức học thể hiện rõ khuynh hướng duy tâm chủ quan, họ không thừa nhận sự tồn tại của hiện thực khách quan, với Duy thức học, chủ thể nhận thức hay khách thể nhận thức, thực chất cũng chỉ là sự biến hiện từ thức mà ra, nên khi xét từ góc độ triết học, ta có thể xếp họ vào “những nhà duy tâm – tâm lý hay hiện tượng luận” [69, tr.128].

Thứ hai, trong vấn đề vận hành của ý thức trong hoạt động nhận thức, Duy thức học đã chỉ ra sự khác biệt về đối tượng nhận thức, phương pháp nhận thức giữa nhận thức trực giác và nhận thức thường nghiệm. Quan niệm về nhận thức hiện lượng của Duy thức học, có những nét tương đồng với trực giác duy lý của Bergson hay học thuyết về ý thức của Husserl, song nhận thức hiện lượng (trực giác) của Duy thức học là cái mà ý thức không thể khảo nghiệm, nó mang màu sắc thần bí tôn giáo. Trong nhận thức tỷ lượng, Duy thức học không phân chia thành các giai đoạn, song đó là một quá trình nhận thức bao gồm cả nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính, khi ý thức kết hợp năm thức giác quan, ý thức có được thông tin về năm khía cạnh tồn tại của đối tượng – đó là nhận thức cảm tính; khi đối tượng nhận thức được thiết lập (pháp trần), ý thức dựa vào những dấu hiệu để suy luận, phán đoán về đối tượng, qua đó, có được những tính chất về đối tượng – đó là nhận thức lý tính. Những kiến giải về các cấp độ nhận thức của ý thức, cũng cho ta cách nhìn toàn diện hơn về nhận thức luận Phật giáo, từ

tam tự tính đến tam vô tự tính, Duy thức đã đẩy lý thuyết trung đạo của Long Thọ lên một cấp độ mới ở góc độ lý luận nhận thức. Tuy nhiên, các cấp độ nhận thức của ý thức không phải là tiến trình ý thức thâm nhập vào các lớp bản chất của đối tượng, mà đó là quá trình ý thức tự nhận thức về bản thân nó, cái ý thức về tự ngã ở cấp độ nào sẽ cho chủ thể thế giới hiện tượng tương ứng.

Thứ ba, triết học Phật giáo nói riêng và triết học phương Đông nói chung, không đặt nặng vấn đề bản thể của thế giới. Duy thức học phủ nhận sự tồn tại độc lập của chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức, theo họ cái tồn tại là chủ thể *đang nhận thức* đối tượng. Alaya thức là phạm trù trung tâm của Duy thức học, nên trong Duy thức học xét về thức từ góc độ nhận thức cũng là xét về vấn đề bản thể, bởi thức hoạt động như thế nào sẽ sinh ra thế giới hiện tượng như thế, đó là thế giới trong tương quan với con người cá nhân và xã hội. Quan niệm về ý thức của Duy thức học đã có những đóng góp nhất định đối với sự phát triển của Phật giáo, là giải quyết những mâu thuẫn về mặt tư tưởng của vấn đề tự tính của vạn pháp, đồng thời những luận giải về vấn đề tồn tại của Duy thức học cũng góp phần vào sự phát triển của triết học nói chung. Trong vấn đề ý thức, việc phân tích cấu trúc của ý thức, cũng như chỉ ra mối quan hệ giữa ý thức đối với bảy thức khác, tuy nhiều vấn đề chưa được thực nghiệm, song nó có thể là những gợi ý đáng chú ý đối với sự phát triển của tâm lý học chiều sâu, và tâm lý học giáo dục ngày nay, đặc biệt là việc giải quyết các vấn đề như: cơ chế hình thành cảm giác của con người, mối quan hệ giữa ý thức, vô thức và tiềm thức, hay cấu trúc hoạt động của ý thức, v.v.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Dương Đình Tùng (2015), Vấn đề tồn tại trong Duy thức học và giá trị của nó đối với sự phát triển triết học Phật giáo, *Tạp chí Khoa học xã hội (Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ)*, số 5 (201), tr. 1- 8.
2. Dương Đình Tùng (2015), Thử luận về vấn đề “thế giới duy tâm vạn pháp duy thức” – xét từ góc độ nghiệp, *tạp chí Văn hóa Phật giáo*, số 5 (223), tr. 25 – 29.
3. Dương Đình Tùng (2015), Vấn đề bản thể luận trong Duy thức học, *tạp chí triết học*, số tháng 8 (291), tr.60 - 71.